

BÁO CÁO

Tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2020

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác VSATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành kế hoạch và tổ chức hội nghị học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết cho đội ngũ cán bộ chủ chốt toàn huyện; chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội quán triệt nghiêm túc sâu sắc Nghị quyết 04-NQ/TU đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động số 25-CTHD/HU ngày 28/10/2016 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác VSATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các phòng ban chức năng, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, triển khai các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đảm bảo an toàn thực phẩm tại đơn vị.

Các phòng, ban đã tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, Ban chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm đối với công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm để tổ chức triển khai thực hiện tại các xã, thị trấn.

Do đó, đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, cả về nhận thức ý chí trách nhiệm và hành động của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân về vai trò tầm quan trọng của công tác đảm bảo ATTP; góp phần tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết số 04-NQ/TU đã đề ra.

2. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết và hoàn thiện thể chế về ATTP

Trong 05 năm thực hiện Nghị quyết, huyện đã ban hành 98 văn bản chỉ đạo, điều hành để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết thành các chương trình hành động, kế hoạch hành động về đảm bảo ATTP; trong đó, UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, Trưởng Ban Chỉ đạo về quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện (gọi tắt là BCD huyện) đã ban hành 01 Chỉ thị; 28 Kế hoạch; 27 Quyết định; 66 văn bản khác.

100% Đảng bộ, UBND các xã đã ban hành Nghị quyết, Kế hoạch, thực hiện các chỉ tiêu về ATTP. Hàng năm đưa chỉ tiêu về ATTP vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã, ban hành văn bản chỉ đạo, tăng cường công tác tuyên truyền, công tác kiểm tra giám sát về ATTP và triển khai các giải pháp xây dựng xã ATTP.

3. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kịp thời chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết hằng năm, Trưởng Ban Chỉ đạo huyện đã thành lập các đoàn kiểm tra việc thực hiện triển khai Nghị quyết 04- NQ/TU và Kế hoạch hành động của UBND huyện của UBND các xã thị trấn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất thực phẩm tại các xã, thị trấn.

Trong năm năm BCD huyện đã kiểm tra ít nhất mỗi xã 1 lần trong năm, qua kiểm tra, giám sát, phần lớn các xã đã triển khai thực hiện nghiêm túc, nhưng vẫn còn một số xã, thị trấn chưa nghiêm túc thực hiện Nghị quyết hoặc có triển khai thực hiện Nghị quyết nhưng chưa đáp ứng yêu cầu các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về ATTP được giao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể

1.1. Có 03 chỉ tiêu đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra, gồm:

- Tỷ lệ sản phẩm thực phẩm tiêu thụ trên địa bàn được cung ứng thông qua các chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn có xác nhận nguồn gốc xuất xứ đạt 65%; tăng 15% so với mục tiêu (mục tiêu NQ là 50%).

- Tỷ lệ Bếp ăn tập thể của các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, nhà hàng đáp ứng quy định về điều kiện ATTP đạt $57/57 = 100\%$. Cao hơn tỷ lệ chung toàn tỉnh (98,7%) và đạt mục tiêu nghị quyết 100%.

- Tỷ lệ cửa hàng kinh doanh thực phẩm đáp ứng các quy định về điều kiện an toàn thực phẩm đạt 100% vượt so với chỉ tiêu giao. (21/17 cửa hàng đã được công nhận).

1.2. Có 03 chỉ tiêu không đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra, gồm:

- Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc gia cầm đáp ứng quy định về điều kiện vệ sinh thú y 76/100 cơ sở, đạt tỷ lệ 76% thấp hơn tỷ lệ chung toàn tỉnh (95,4%) không đạt theo nghị quyết (100%).

- Tỷ lệ chợ kinh doanh thực phẩm trên địa bàn đáp ứng quy định về điều kiện ATTP đã được công nhận $13/17 = 76,5\%$ tỷ lệ toàn tỉnh là 77,3 % (NQ là 100%).

- Tỷ lệ số xã, thị trấn trên địa bàn đạt tiêu chí ATTP $30/34 = 88,3\%$ cao hơn tỷ lệ chung toàn tỉnh = 72,8%, (NQ là 90%)

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết

Sau 5 năm thực hiện các nội dung của Nghị quyết các cấp, các ngành, đặc biệt người dân đã được trang bị kiến thức về ATTP, các cơ sản xuất, chế biến, kinh doanh, cơ sở giết mổ đã được cải tạo, nâng cấp đảm bảo VSATP, hình thành các vùng sản xuất sản phẩm an toàn, hàng hóa bày bán trên kệ, có nguồn gốc xuất xứ cụ thể kết quả đạt được là:

2.1. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về ATTP

- Công tác thông tin, tuyên truyền, được đẩy mạnh thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp như 06 hội thảo (500 người tham gia), 56 buổi nói chuyện (với 5576 người nghe), 742 lượt phát thanh, tổ chức 04 lễ phát động tháng hành động vì an toàn thực phẩm, mít tinh, diễu hành với 1997 người tham gia, 01 hội thi từ 36 xã thị trấn đến huyện với 11450 người tham gia; 65 buổi tuyên truyền bằng xe lưu động, với nhiều loại sản phẩm như: 574 băng rôn, khẩu hiệu, 5000 tờ rơi....

- Văn phòng Điều phối huyện, các phòng y tế, Nông nghiệp, Kinh tế - hạ tầng đã tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến kiến thức: Số lớp do huyện tổ chức 17 (các xã, thị trấn 34) số người tham gia hơn 800 cán bộ quản lý ATTP từ huyện đến xã. 762 cán bộ/254 tổ giám sát cộng đồng và gần 3000 chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên toàn huyện.

- Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông Dân, Ban Dân vận đã lồng ghép công tác đảm bảo VS ATTP vào các phong trào, các cuộc vận động và đạt được nhiều kết quả tích cực; đã tổ chức cho hội viên ký cam kết đảm bảo ATTP và tích cực tham gia vào công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

2.2. Xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn

Thực hiện nhiệm vụ được giao về xây dựng các mô hình về an toàn thực phẩm, UBND huyện đã ban hành các kế hoạch, quyết định giao chỉ tiêu xây dựng mô hình cho các xã, thị trấn, kết quả hoàn thành mô hình do tỉnh giao và nhân rộng ra toàn huyện, cụ thể:

- Mô hình xã ATTP: tỉnh giao 01 xã, UBND huyện chọn xây dựng xã Dân lý đạt xã ATTP đã hoàn thành vào năm 2019, đến nay đã có 30 xã ATTP;

- Mô hình chuỗi cung ứng sản phẩm thực phẩm an toàn, cụ thể:

Toàn huyện trước khi thực hiện nghị quyết có 04 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, đến nay đã xây dựng được 75 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, cung ứng ra thị trường khoảng 44.291,3 tấn thực phẩm được xác nhận nguồn gốc đảm bảo ATTP, trong đó có:

+ 30 chuỗi cung ứng lúa gạo an toàn, diện tích thực hiện 3.000 ha, cung ứng ra thị trường khoảng 22.772 tấn lúa gạo.

+ 13 chuỗi cung ứng rau quả an toàn, diện tích thực hiện 28 ha, sản lượng 13.079,3 tấn, trong đó có 01 chuỗi đã được Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản xác nhận 01 chuỗi cung ứng rau an toàn, thị trường tiêu thụ tại cửa hàng kinh doanh rau an toàn, chợ đầu mối tỉnh và các chợ trên địa bàn huyện.

+ 24 chuỗi cung ứng thịt gia súc, gia cầm an toàn, quy mô chuỗi 250 tấn/chuỗi, sản lượng 7.340 tấn.

+ 8 chuỗi cung ứng thủy sản an toàn, quy mô chuỗi 150 tấn, sản lượng 1.100 tấn.

- Mô hình giết mổ tập trung an toàn thực phẩm: tỉnh giao 01 mô hình.

Huyện đã xây dựng 01 mô hình giết mổ an toàn thực phẩm tại nhà ông Đào Xuân Cường; thôn 2, xã Dân Lý, công suất giết mổ từ 20 con/ngày đêm.

- Mô hình chợ an toàn thực phẩm: Trên địa bàn huyện Triệu Sơn khi thực hiện nghị quyết không có chợ đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm; đến nay toàn huyện 13/17 chợ hoàn thành xây dựng chợ an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định 08 của UBND tỉnh và Tiêu chuẩn Việt Nam TCNV 11856: 2017 gồm: chợ Giát, chợ Thọ Bình, chợ Hào, chợ Đà, chợ Quán chua, chợ Móc, chợ Nưa, chợ Góm, chợ Thiều, chợ Thọ Sơn, chợ Dân Lực, chợ Cầu Đất, chợ Song.

Các chợ chưa hoàn thành gồm: chợ Sim, chợ Khuyến Nông, chợ Nông Trường, chợ Cốc các chợ được xây dựng từ những năm 1980 đến nay đã xuống cấp nghiêm trọng. Hiện nay UBND các xã đang huy động nguồn lực để đầu tư, nâng cấp, cải tạo để xây dựng đạt chợ an toàn thực phẩm.

- Mô hình cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn: chỉ tiêu giao trong năm năm là 17 cửa hàng. UBND các xã, thị trấn đã xây dựng được 21 cửa hàng gồm: 01 cửa hàng tại xã Hợp Thắng; 01 cửa hàng tại xã Hợp Lý; 01 cửa hàng tại xã Thọ Tiến; 01 cửa hàng tại xã Xuân Thịnh; 01 cửa hàng tại xã Tiến Nông; 01 cửa hàng tại xã Thọ Tân; 01 cửa hàng tại xã Thọ Thế và 02 cửa hàng tại xã Dân Quyền, 01 cửa hàng tại xã Đồng Thắng, 01 cửa hàng tại xã Triệu Thành, 01 cửa hàng tại xã Xuân Thọ, 01 cửa hàng tại xã Tân Ninh, 01 cửa hàng tại xã Thái Hòa, 01 cửa hàng tại xã Đồng Lợi, 02 cửa hàng tại thị trấn Triệu Sơn, 01 cửa hàng tại xã Hợp Tiến, 01 cửa hàng tại xã Bình Sơn, 01 cửa hàng tại xã An Nông; các cửa hàng trên thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm và hàng hóa kinh doanh có nguồn gốc xuất xứ.

- Bếp ăn tập thể an toàn thực phẩm: trên địa bàn toàn huyện có 57 bếp ăn tập thể được công nhận BẮTT an toàn, trong đó Chi cục VS ATTP công nhận: 35;

UBND huyện công nhận: 20; UBND xã công nhận: 02 bếp ăn tập thể ATTP đạt 100%).

2.3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý quy hoạch và xây dựng, triển khai cơ chế chính sách hỗ trợ quản lý, phát triển sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý quy hoạch hình thành các vùng sản xuất thực phẩm an toàn đạt nhiều kết quả tích cực. Hình thành và phát triển các mô hình sản xuất lúa gạo, hiệu quả cao, sản xuất lúa, rau, quả theo tiêu chuẩn VietGAP, chăn nuôi nông hộ được phát triển theo hướng an toàn, bền vững, đầu tư trang trại chăn nuôi lớn, ứng dụng công nghệ cao, nuôi trồng thủy sản phát triển.

- Việc triển khai cơ chế chính sách hỗ trợ quản lý, phát triển sản xuất kinh doanh thực phẩm an toàn đã phát huy hiệu quả. UBND huyện đã chi ngân sách hỗ trợ các xã, thị trấn thực hiện các chỉ tiêu về ATTP.

Trong 5 năm kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện chỉ tiêu về ATTP là:

Tiêu chí xã ATTP: 50 triệu đồng x 30 xã = 1500 triệu đồng;

Tiêu chí cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn:

20 triệu đồng x 21 cửa hàng = 420 triệu đồng.

Tiêu chí Chợ kinh doanh thực phẩm;

100 triệu đồng x 13 chợ = 1300 triệu đồng

Tổng kinh phí đã chi: 3220 triệu đồng.

2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và tăng cường nguồn lực cho công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện:

UBND huyện đã phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình vệ sinh ATTP cho các xã, thị trấn thực hiện công tác quản lý về ATTP, Ủy ban MTTQ các tổ chức đoàn thể để triển khai hoạt động đảm bảo vệ sinh ATTP.

- Từ năm 2017 đến năm 2020 UBND huyện đã phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách là 15.000 000 đ/ xã;

- Chi cho văn phòng điều phối huyện 1 560 triệu đồng.

2.5. Tổ chức, bộ máy về quản lý ATTP từ huyện đến xã được thành lập và kiện toàn, phân công, phân cấp rõ ràng, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Ở cấp huyện đã thành lập và kiện toàn BCD huyện, Văn phòng Điều phối về vệ sinh ATTP huyện. Ở xã, thị trấn có 34/34 xã, thị trấn, thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP, Ban Nông nghiệp xã hoặc Tổ đầu mối về ATTP, có 254 thôn, phố, tổ dân phố thành lập tổ giám sát cộng đồng về ATTP (đạt 100%) 17/17 chợ thành lập tổ giám sát ATTP (đạt 100%).

2.6. Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về VSATTP được tăng cường:

a) Cơ sở được quản lý:

Tổng số cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm được quản lý trên toàn huyện: 4096 cơ sở; trong đó:

Tỉnh quản lý: 39(ngành Nông nghiệp quản lý.02.ngành y tế quản lý 37).

Huyện quản lý: 397 (ngành Nông nghiệp quản lý 89; Ngành Công thương quản lý 143 ngành y tế quản lý 165).

Xã quản lý: 3660 (ngành Nông nghiệp quản lý 2485; Ngành Công thương quản lý 916; ngành y tế quản lý 259).

- Kết quả cấp giấy xác nhận kiến thức: 381 (NN), 650 (CT) = 1031

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm

- Công tác thanh kiểm tra đã được triển khai thường xuyên 03 đợt/ năm, chất lượng các cuộc kiểm tra ngày một nâng lên, đã góp phần tuyên truyền, giáo dục nhận thức về ATTP.

Trong năm năm, UBND huyện thành lập 11 đoàn kiểm tra (07 đoàn liên ngành và 04 đoàn chuyên ngành); đoàn cấp huyện đã kiểm tra được 715 lượt cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm, trong đó 593 cơ sở đạt yêu cầu chiếm 83%; 05 cơ sở cảnh cáo. 92 cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 135 350 triệu đồng.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp đưa vào sản xuất thực phẩm an toàn cụ thể như sau:

+ Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra 61 cơ sở cụ thể:

- 14 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi;
- 18 cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật;
- 29 cơ sở kinh doanh phân bón;

Qua kiểm tra đã phát hiện 31 cơ sở vi phạm trong đó:

- 3 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi vi phạm, xử phạt 8.000.000đ;
- 9 cơ sở kinh doanh thuốc BVTV vi phạm, xử phạt 36.000.000đ;
- 19 cơ sở kinh doanh phân bón vi phạm, xử phạt 21.500.000đ;

+ Tổng số tiền xử phạt 65.500.000đ

- Kết quả cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ đối với sản phẩm thực phẩm theo Quyết định 91/QĐ-SNNPTNT ngày 14/2/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT: Đã cấp 6.940 giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, tổng khối lượng được xác nhận là 55.626,3 tấn (khối lượng sản phẩm lúa gạo 25.772 tấn, rau củ quả 24.279,3 tấn, thịt gia súc, gia cầm 13.687,4 tấn, thủy sản cá 3.667,6 tấn).

2.7. Công tác phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị, xã hội trong công tác đảm bảo ATTP đạt được những kết quả tích cực.

UBND huyện, các phòng ban cấp huyện, UBND các xã, thị trấn đã tăng cường phối hợp với Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể cùng cấp tăng cường các hoạt động tuyên truyền vận động giám sát và phát động các phong trào thi đua về ATTP; tích cực vận động xây dựng các mô hình, sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, cho cán bộ đoàn viên, hội viên là chủ cơ sở. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn trên địa bàn.

III. ĐÁNG GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật sau 05 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 04- NQ/TU cùng với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, Trưởng Ban Chỉ đạo về quản lý VSATPT huyện, các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, Văn phòng Điều phối VSATTP huyện, sự quyết tâm vào cuộc của cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn huyện đã có sự chuyển biến rõ nét và đạt được nhiều kết quả nổi bật cụ thể như sau:

- Đã nhận được sự quan tâm vào cuộc của cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ các tổ chức đoàn thể; các cấp, các ngành, đặc biệt người dân đã được trang bị kiến thức về ATTP. Công tác ATTP đã được xác định là nhiệm vụ quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đơn vị. Qua đó sự nhận thức ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu, người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng về ATTP được nâng cao.

- Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ATTP từ huyện đến xã thị trấn được thành lập, kiện toàn. đặc biệt đã thành lập được Văn phòng Điều phối về vệ sinh ATTP cấp huyện, Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP xã, thị trấn, Ban Nông nghiệp xã (Tổ đầu mối về ATTP ở thị trấn), Tổ Giám sát cộng đồng về ATTP thôn /phố/ chợ có vai trò quan trọng giúp BCD quản lý về ATTP các cấp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ về ATTP mà Nghị quyết đề ra.

- Năng lực thực thi công vụ của cán bộ, công chức được nâng lên; công tác kiểm tra giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP được triển khai đồng bộ.

- Các phong trào thi đua, mô hình hay, sáng tạo đảm bảo ATTP được phát huy, có sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Hình thành các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; chợ kinh doanh thực phẩm đạt tiêu chuẩn theo quy định đã tạo sự chuyển biến tích cực, hàng hóa bày bán trên kệ, có nguồn gốc xuất xứ. Việc xây dựng được các cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn ở các xã, thị trấn được quan tâm các sản phẩm OCOP được giới thiệu, bày bán tại cửa hàng, Hệ thống bếp ăn tập thể trong các trường học được quan tâm đầu tư theo quy định của Bộ y tế; các cơ sở giết mổ đã được cải tạo, nâng cấp đảm bảo vệ sinh thú y.

- Ngân sách đầu tư cho công tác đảm bảo ATTP đã được tăng cường. Hệ thống thông tin đường dây nóng được thành lập từ huyện đến xã để tiếp nhận các phản ánh của người dân về an toàn thực phẩm. Trong 5 năm thực hiện nghị quyết không có vụ ngộ độc tập thể xảy ra.

2. Hạn chế, yếu kém

2.1. Về tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 04- NQ/TU, các văn bản chỉ đạo của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, Trưởng Ban Chỉ đạo về quản lý VS ATTP huyện tại một số xã, thị trấn chưa kịp thời, chưa thường xuyên; hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Nông nghiệp, Tổ giám sát cộng đồng một số xã, thị trấn chưa hiệu quả.

2.2. Một số xã chưa hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của UBND huyện về xây dựng xã thị trấn đạt tiêu chí ATTP. Triển khai thực hiện chưa quyết liệt các mục tiêu, nhiệm vụ về ATTP. (Khuyến Nông, Nông Trường, Hợp Thành, Xuân Lộc).

2.3. Còn 03 chỉ tiêu không đạt mục tiêu Nghị quyết 04-NQ/TU đề ra, như:

Tỷ lệ cơ sở giết mổ gia súc gia cầm đáp ứng quy định về điều kiện vệ sinh thú y; Tỷ lệ chợ kinh doanh thực phẩm trên địa bàn đáp ứng quy định về điều kiện ATTP; xã, thị trấn trên địa bàn đạt tiêu chí ATTP.

2.4. Công tác kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về ATTP còn thụ động; xử lý vi phạm chưa kiên quyết, chưa bảo đảm tính răn đe, còn nể nang, né tránh, việc công khai vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng chưa đáp ứng yêu cầu; việc lấy mẫu thực phẩm để giám sát, cảnh báo nguy cơ gây mất ATTP chưa được quan tâm đúng mức.

2.5 Công tác quản lý thức ăn đường phố, cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, cơ sở giết mổ gia, súc gia cầm nhỏ lẻ còn gặp nhiều khó khăn; việc chấp hành thời gian sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y trước khi thu hoạch, xuất bán nông sản, thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ; kiểm tra chất lượng ATTP, nguồn gốc thực phẩm từ ngoài đưa vào, thực phẩm kinh doanh tại các chợ còn hạn chế; việc cấp giấy xác nhận nguồn gốc xuất xứ của các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ chưa đáp ứng yêu cầu, có xã, thị trấn còn mang tính hình thức.

2.6. Số lượng các mô hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn quy mô còn nhỏ hiệu quả chưa cao; phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn chưa đảm bảo tính bền vững; chưa xây dựng được chuỗi có quy mô, sản lượng lớn.

2.7. Nguồn lực phân bổ kinh phí hằng năm cho thực hiện công tác đảm bảo ATTP còn ít, chưa kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu đối với công tác đảm bảo ATTP trong tình hình hiện nay.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân chủ quan:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ATTP ở một số xã, thị trấn chưa thực sự quyết liệt; chưa phát huy được vai trò trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác ATTP, việc xây dựng ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch về đảm bảo ATTP tại một số xã còn mang tính hình thức, chưa chú trọng đôn đốc, kiểm tra, đánh giá nên kết quả đạt thấp so với mục tiêu đề ra.

Nhận thức, ý thức trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của một số cán bộ, công chức chưa cao; chưa có hình thức xử lý với những công chức thiếu trách nhiệm buông lỏng quản lý. Ý thức chấp hành pháp luật về ATTP của một số bộ phận, người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng chưa cao một số cơ sở vì lợi nhuận cố tình vi phạm các quy định về ATTP.

3.2. Nguyên nhân khách quan:

Lực lượng cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý ATTP còn thiếu; từ huyện đến xã, thị trấn đều là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi vị trí công tác nên hiệu quả tham mưu quản lý nhà nước về ATTP còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Nguồn kinh phí phân bổ cho công tác ATTP còn hạn chế.

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn chủ yếu nhỏ lẻ, manh mún, không tập trung thiếu nguồn lực để cải thiện điều kiện sản xuất, kinh doanh và áp dụng các chương trình quản lý chất lượng tiên tiến. Tình trạng thời tiết cực đoan, thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

Thị trường tiêu thụ thực phẩm an toàn gặp nhiều khó khăn, chi phí sản xuất cao, khả năng cạnh tranh thấp, chưa tạo động lực thúc đẩy người dân cũng như các doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

Ý thức trách nhiệm của cộng đồng trong việc lên án, ngăn chặn các hành vi vi phạm ATTP chưa cao; tập quán ăn uống, sử dụng, tiêu thụ thực phẩm của người dân còn dễ dãi, nhận thức, thu nhập của người dân còn thấp nhất là vùng nông thôn, miền núi vẫn còn tình trạng sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc có nguy cơ cao gây mất an toàn thực phẩm.

4. Bài học kinh nghiệm

Một là, Sự quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác đảm bảo an toàn thực phẩm là nhân tố hàng đầu quyết định tới hiệu quả của công tác đảm bảo ATTP. Thực tế cho thấy nơi nào cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thì việc triển khai thực hiện công tác ATTP ở nơi đó chất lượng hiệu quả có sự chuyển biến tích cực.

Hai là, quán triệt sâu sắc, triển khai đầy đủ các văn bản của Trung ương, của tỉnh công tác đảm bảo ATTP, trước hết là cấp ủy, cán bộ chủ chốt, từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch, hướng dẫn tổ chức thực hiện, một cách kịp thời, phù hợp với thực tiễn của từng xã, thị trấn.

Ba là, Thành lập, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về ATTP phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên trong bộ máy.

Bốn là tăng cường công tác kiểm tra giám sát, phát hiện xử lý nghiêm các tổ chức cá nhân vi phạm quy định của pháp luật về ATTP; quan tâm kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

Năm là, Tăng cường công tác phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia đảm bảo ATTP; tổ

chức giám sát việc chấp hành các quy định về ATTP; tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của nhân dân đối với hành vi vi phạm ATTP.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

GIAI ĐOẠN 2021- 2025

1. Mục tiêu

Nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020-2025; kết quả đã đạt được trong 05 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, UBND xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể về ATTP đến năm 2025, cụ thể như sau:

- Tiếp tục duy trì các mục tiêu; Sản phẩm thực phẩm sản xuất, chế biến theo mô hình sản xuất lớn, tập trung, chợ, cửa hàng kinh doanh thực phẩm trên địa bàn đáp ứng các yêu cầu quy định về điều kiện ATTP.

- 100% Cơ sở giết mổ gia súc gia cầm đáp ứng quy định về điều kiện VSATTP.

- 100% Chợ kinh doanh thực phẩm trên địa bàn đáp ứng quy định về điều kiện ATTP.

- 100% Bếp ăn tập thể, dịch vụ ăn uống đáp ứng các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

- 100% Số xã, thị trấn trên địa bàn đạt tiêu chí xã thị trấn ATTP. Trong đó có 12 xã thị trấn đạt tiêu chí ATTP nâng cao.

2. Nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm

Trên cơ sở kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp và những hạn chế, yếu kém trong quá trình triển khai thực hiện, các ngành, UBND các xã, thị trấn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thực hiện hoàn thành mục tiêu đã đề ra, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

2.1 Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về ATTP trong tình hình mới

- Các cấp ủy từ huyện đến cơ sở, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ATTP, Đảng ủy các xã, thị trấn tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về đảm bảo ATTP theo chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI tại Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21/10/2011 và những quy định của Luật An toàn thực phẩm.

- Các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện công tác đảm bảo ATTP hàng năm trong đó bao trùm các nhiệm vụ đã được UBND huyện giao; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện; tổ

chức sơ kết, tổng kết lấy kết quả thực hiện công tác đảm bảo ATTP làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và cá nhân.

2.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông và tập huấn về ATTP.

- Các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn các đơn vị liên quan đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác thông tin tuyên truyền và đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về công tác đảm bảo ATTP. Thường xuyên tổ chức các hoạt động mít tinh, diễu hành, cổ động, hội thi... về đảm bảo ATTP. Trung tâm VH TT&DL huyện xây dựng các chuyên mục, chuyên trang về ATTP; đẩy mạnh đăng tải các tin bài, chuyên đề, phóng sự, bản tin tuyên truyền về công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn huyện.

- Đề nghị Ủy ban MTTQ, các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ với các Phòng, các đơn vị liên quan, chính quyền các xã, thị trấn, đẩy mạnh tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực, tự giác tham gia thực hiện công tác đảm bảo ATTP; tiếp tục tổ chức phát động phong trào thi đua về đảm bảo ATTP.

2.3. Tiếp tục xây dựng, và nhân rộng mô hình sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm an toàn, xã an toàn thực phẩm

- Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn tiếp tục xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông sản thực phẩm an toàn tập trung, quy mô lớn, áp dụng các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến; hình thành phát triển các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; đẩy mạnh việc xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn các khu vực có điều kiện trở thành các khu sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng cao và có thương hiệu.

- Văn phòng Điều phối vệ sinh ATTP huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, các đơn vị liên quan hướng dẫn thẩm tra các xã, thị trấn đạt tiêu chí ATTP để trình Hội đồng thẩm định tỉnh thẩm định công nhận xã ATTP.

- Các phòng Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Kinh tế - Hạ tầng và Văn phòng Điều phối về vệ sinh ATTP huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan hàng năm tham mưu cho UBND huyện phân và giao chỉ tiêu về ATTP; tham mưu UBND huyện hỗ trợ kinh phí xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

2.4. Kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động của đội ngũ làm công tác quản lý ATTP từ huyện đến xã, thị trấn.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy về quản lý ATTP từ huyện đến xã. Nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của Văn phòng Điều phối về vệ sinh ATTP huyện, Ban Nông nghiệp (Tổ đầu mối về ATTP) cấp xã. UBND huyện tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, thị trấn nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ giám sát cộng đồng về ATTP thôn/ phố, Tổ giám sát tại các chợ.

2.5. Đẩy mạnh hoạt động thu hút đầu tư và bố trí các nguồn lực, đầu tư vào công tác đảm bảo ATTP.

- Phòng Nông nghiệp, UBND các xã, thị trấn tập trung đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, để xây dựng phát triển các vùng sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm an toàn, có giá trị kinh tế cao; tạo đầu ra ổn định cho nông sản, thực phẩm an toàn của huyện.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu tăng dần mức chi cho công tác ATTP theo tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của huyện. UBND huyện, UBND xã, thị trấn tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư xây dựng các vùng sản xuất, các cơ sở chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đảm bảo ATTP..., ưu tiên bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách để triển khai công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn quản lý.

2.6. Tăng cường trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về ATTP.

- Các phòng chuyên môn cấp huyện, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo phân công, phân cấp quản lý, tránh chồng chéo, trùng lặp, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Y tế, Phòng KT-HT và UBND các xã, thị trấn thực hiện tốt chương trình lấy mẫu giám sát ATTP trên địa bàn, kịp thời phát hiện, cảnh báo và điều tra, truy xuất, xử lý tận gốc đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn.

- Văn phòng Điều phối về vệ sinh ATTP huyện tiếp tục tham mưu cho Ban Chỉ đạo huyện, UBND huyện thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra về ATTP; kịp thời tham mưu xử lý, phê bình, chấn chỉnh những tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý về ATTP.

2.7. Công tác phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và tổ chức đoàn thể các cấp trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

Công tác phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia đảm bảo ATTP và tổ chức giám sát việc chấp hành các quy định về ATTP cần được tăng cường; tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của nhân dân đối với hành vi vi phạm ATTP.

Phần thứ ba KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, hoàn thiện thể chế về an toàn thực phẩm

Đề nghị UBND tỉnh tham mưu Tỉnh ủy ra Nghị quyết chuyên đề về an toàn thực phẩm thay thế Nghị quyết số 04-NQ/TU, hoặc kéo dài việc thực hiện Nghị quyết số 04 -NQ/TU.

2. Kiến nghị về tổ chức bộ máy, nhân sự

Đề nghị UBND tỉnh bố trí cán bộ chuyên trách về ATTP cho huyện và xã.

3. Kiến nghị về xây dựng cơ chế chính sách, bố trí kinh phí, đầu tư trang thiết bị.

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản hướng dẫn việc chi kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Tổ giám sát cộng đồng về ATTP./.

Nơi nhận:

- VPĐP về ATTP tỉnh;
- BT, PBT TT Huyện ủy;
- CT, các PCT HĐND, UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Thành viên BCD về QL ATTP huyện;
- Lưu: VT, YT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Phú Quốc